

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 05 - 11 - 2019
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Trường;

Ông Lê Thanh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Thương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2019 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 21/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn HV, xã A N, huyện QN, tỉnh QB; “vắng mặt”.

2. *Bị đơn:* Chị Cao Thị H; sinh năm 1984; nơi ĐKHKTT: Thôn HV, xã A N, huyện QN, tỉnh QB; tạm trú: Xóm 5, xã GA, huyện GT, tỉnh ND; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/6/2019, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Cao Thị H tự nguyện tìm hiểu và đã được UBND xã xã A N, huyện QN, tỉnh QB cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/5/2007. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khó khăn về kinh tế, vợ chồng không thể thông cảm chia sẻ với nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2014 cho tới nay, chị H về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 5, xã GA, huyện GT, tỉnh ND ở

từ đó cho tới nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể cùng chung sống với nhau được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Cao Thị H.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Cao Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã AN, huyện QN, tỉnh QB cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/5/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xảy ra va chạm và anh T hay đánh chị. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014, chị về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 5, xã GA, huyện GT, tỉnh ND ở. Nay anh T xin ly hôn chị chấp nhận.

Về con chung: Anh T và chị H đều trình bày, vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Trọng Nh; sinh ngày 27/11/2007 và Nguyễn Minh Th; sinh ngày 11/01/2009, hiện các con chung đang ở với anh T. Nay ly hôn, anh T nhận nuôi cả hai con, nếu không được anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị H nhận nuôi cháu Th, cháu Nh để anh T nuôi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh T và chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo đơn trình bày của con chung, cháu Nguyễn Trọng Nh và Nguyễn Minh Th đều trình bày nguyện vọng xin được ở với anh Nguyễn Văn T.

Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 16/10/2019, đại diện chính quyền địa phương cùng đoàn thể, cơ sở xóm 5, xã GA cung cấp: Anh T và chị H kết hôn với nhau tại xã A N, huyện QN, tỉnh QB và có tổ chức đám cưới theo tập quán địa phương. Sau kết hôn một thời gian, vợ chồng mâu thuẫn nên chị H về nhà bố mẹ đẻ ở xóm 5, xã GA ở. Nay anh T có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản vợ chồng không có gì.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Cao Thị H là hợp pháp. Do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, không thể chung sống cùng nhau, nên có đủ cơ sở để giải quyết ly hôn. Về con chung, nên giao cháu Nh cho anh T nuôi dưỡng; giao cháu Th cho chị H nuôi dưỡng; anh T và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp. Về tài sản: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với chị Cao Thị H, nơi ĐKKHKT: Thôn HV, xã A N, huyện QN, tỉnh QB; tạm trú: Xóm 5, xã GA, huyện GT, tỉnh NĐ. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Anh T, chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Cao Thị H tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại UBND Thôn HV, xã A N, huyện QN, tỉnh QB vào ngày 02/5/2007 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, vợ chồng không thông cảm chia sẻ với nhau nên thường xảy ra va chạm. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 cho tới nay. Xét tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nếu có kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc. Vì vậy, chấp nhận nguyện vọng của anh T xin ly hôn chị H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Căn cứ nguyện vọng của các đương sự và để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các cháu, nên giao giao cháu Nh cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Th cho chị H nuôi dưỡng; anh T và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nhưng được quyền thăm nom con.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; anh T và chị H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Cao Thị H

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Trọng Nh; sinh ngày 27/11/2007 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Minh Th; sinh ngày 11/01/2009 cho chị Cao Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành có khả năng lao động tự lập được. Anh T, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Anh T đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0004752 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; nay đối trừ, anh T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T và chị Cao Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- UBND xã An Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền